

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HS-ST
Ngày: 14/9/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Minh Thư

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Cừ

Ông Dương Cao Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Phạm Lê Sỹ G; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 02/4/1998 tại huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn V, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Phạm Lê T và bà Nguyễn Thị P; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 04/6/2021 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa: Ông Võ Quốc H, sinh năm 1985 – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước Hà Tĩnh (có đơn xin vắng mặt).

Bị hại: Anh Võ Dương B, sinh năm 2002; nghề nghiệp: Sinh viên; Địa chỉ: Số nhà 10, ngõ 06, đường H, xã T, thành phố H (có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Dương Hữu Q, sinh năm 2002; nghề nghiệp: Sinh viên; Địa chỉ: Số nhà 10, ngõ 06, đường H, xã Thạch T, thành phố H (có đơn xin vắng mặt).

2. Anh Đặng Đình T, sinh năm 1988; nghề nghiệp: Kinh Doanh; Địa chỉ: Số 163, đường N, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (có đơn xin vắng mặt).

Người làm chứng: Chị Lại Kim C; sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ 02, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Lê Sỹ G thuê trọ ở địa chỉ số nhà 10, ngõ 06, đường H thuộc xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 01/6/2021, sau khi ngủ dậy thì G nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đi đến các phòng trọ trong cùng dãy xem ai có tài sản sơ hở thì lấy trộm. Khi Giao nhìn qua cửa sổ phòng của anh Võ Dương B và anh Dương Hữu Q (cùng sinh năm 2002 và trú tại xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh) thì thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha, biển kiểm soát 38D1-282.70 của anh B dựng ở trong phòng. Lúc này cửa phòng đã khóa nên G đã dùng tay phải gạt bung ổ khóa cửa rồi đi vào lục tìm trong chiếc túi màu đen để ở giữa sàn nhà thì thấy chiếc chìa khoá xe mô tô và 01 chiếc ví da màu đen đã cũ rách của anh Võ Dương B bên trong có 01 chứng minh nhân dân mang tên Võ Dương B, 01 giấy đăng kí xe mô tô 38D1-282.70, 01 bảo hiểm mô tô xe máy, 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Võ Dương B, 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank mang tên Võ Dương B. G lấy chìa khoá xe mở khóa điện rồi lấy trộm xe cùng chiếc ví và toàn bộ số giấy tờ nói trên. Ngoài ra trong cốp xe mô tô 38D1 -282.70 lúc này đang có 01 chiếc ví màu nâu cũ và rách bên trong có 01 chứng minh nhân dân mang tên Dương Hữu Q, 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Dương Hữu Q, 01 thẻ ngân hàng Vietcombank mang tên Dương Hữu Q và số tiền 170.000 đồng là của anh Q để trong cốp xe từ trước đó.

Sau khi lấy trộm được tài sản của anh B và anh Q, G điều khiển xe mô tô 38D1-282.70 chạy đến thị trấn N, huyện C để tìm nơi cầm cố xe. Khi đi đến hiệu cầm đồ ở địa chỉ số 163, đường N, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh thì G đi vào gặp chủ hiệu là anh Đặng Đình T (sinh năm 1988, trú tại thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh) để cầm cố xe. Khi vào gặp anh T, G lấy chứng minh nhân dân và đăng kí xe mô tô 38D1-282.70, đưa cho anh T và nói dối anh T là giấy tờ và chứng minh nhân dân của mình để cầm cố xe. Anh T tin là xe của nên đồng ý cho G cầm xe mô tô BKS: 38D1-282.70 với số tiền 9.000.000 đồng. Sau đó G đi ra và vứt chiếc ví cùng các giấy tờ còn lại của anh B ở bên khe tường phía đối diện tiệm cầm đồ anh T rồi đi xe buýt vào thành phố H. Sau đó G đến cửa hàng Thế giới di động tại số 76 đường T, thành phố H mua 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy A32 với số tiền 7.000.000đ đồng. Số tiền còn lại Giao sử dụng chơi điện tử và chi tiêu cá nhân hết. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, anh Võ Dương B đã đến trình báo Công an xã T, thành phố H.

Đến khoảng 12 giờ 30 phút ngày 01/6/2021 anh Võ Dương B được một người không quen biết (không rõ tên, địa chỉ) điện thoại thông báo nhặt được ví cùng giấy tờ và đã trả lại cho anh B. Ngày 03/6/2021, Cơ quan điều tra Công an

thành phố H triệu tập đến làm việc thì G đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản, số 24 ngày 04/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân thành phố H kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha màu đen bạc biển kiểm soát 38D1-282.70 trị giá 13.500.000 đồng.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ tại anh Đặng Đình T 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha màu đen bạc biển kiểm soát 38D1-282.70; 01 đăng ký xe mô tô 38D1-282.70, 01 chứng minh nhân dân mang tên Võ Dương B, 01 ví da màu nâu đã qua sử dụng, 01 chứng minh nhân dân mang tên Dương Hữu Q, 01 giấy phép lái xe mang tên Dương Hữu Q, 01 thẻ ATM Vietcombank mang tên Dương Hữu Q, 170.000 đồng, 01 Hợp đồng vay mượn cầm đồ; Thu giữ tại Phạm Lê Sỹ G 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Lê Sỹ G, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A 32 màu đen đã qua sử dụng.

Hiện Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Võ Dương B 01 xe mô tô hiệu Wave Alpha màu đen bạc biển kiểm soát 38D1-282.70, 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 38D1-282.70 và 01 chứng minh nhân dân mang tên Võ Dương B. Trả lại cho anh Dương Hữu Q 01 ví da màu nâu đã qua sử dụng, 01 chứng minh nhân dân mang tên Dương Hữu Q, 01 giấy phép lái xe mang tên Dương Hữu Q, 01 thẻ ATM Vietcombank mang tên Dương Hữu Q và 170.000 đồng; Đối với 01 Hợp đồng vay mượn cầm đồ được chuyển theo hồ sơ vụ án. Còn lại: 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Lê Sỹ G và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A 32 màu đen đã qua sử dụng được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Về dân sự: Anh Võ Dương B và anh Dương Hữu Q sau khi nhận lại tài sản cùng các giấy tờ bị mất trộm không yêu cầu gì thêm; Anh Đặng Đình T yêu cầu bị cáo Phạm Lê Sỹ G phải bồi thường số tiền 9.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 60/CT-VKS-TPHT ngày 10/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh truy tố bị cáo Phạm Lê Sỹ G về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Lê Sỹ G từ 12 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 04/6/2021; không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung; Đề nghị xử lý vật chứng, trả lại cho bị cáo 01 CMND mang tên Phạm Lê Sỹ G; tiếp tục tạm giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A 32 màu đen thu giữ của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Về biện pháp tư pháp: Truy thu nộp ngân sách nhà nước ở bị cáo số tiền 9.000.000 đồng thu lợi bất chính.

Tại bản bào chữa cho bị cáo Phạm Lê Sỹ G, người bào chữa nêu ý kiến: Nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo Phạm Lê Sỹ G về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Phạm Lê Sỹ G nhận thức được sai

phạm; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo; nhận thức pháp luật còn hạn chế dẫn đến hành vi phạm tội bột phát của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo Phạm Lê Sỹ G được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được sai phạm và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, các loại vật chứng vụ án được thu giữ, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 01/6/2021 tại địa chỉ số nhà 10, ngõ 06, đường H thuộc xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, Phạm Lê Sỹ G đã dùng tay giật bung khóa cửa, đột nhập vào phòng trọ anh Võ Dương B và anh Dương Hữu Q lấy trộm 01 xe mô tô biển kiểm soát 38D1-282.70 trị giá 13.500.000 đồng, 01 ví da không còn giá trị cùng giấy tờ cá nhân của anh Bảo và 01 ví da không còn giá trị bên trong có số tiền 170.000 đồng và giấy tờ cá nhân của anh Quyển. Sau đó Giao đã đưa xe đến cầm cố cho anh Đặng Đình T lấy 9.000.000 đồng và đã sử dụng cá nhân hết. Tổng giá trị tài sản Phạm Lê Sỹ G chiếm đoạt là 13.670.000 đồng, thu lợi bất chính 9.000.000 đồng.

Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Hành vi của bị cáo thực hiện đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gia đình có hoàn cảnh khó khăn (thuộc diện hộ cận nghèo) bản thân bị cáo “Hoàn thành nghĩa vụ quân sự và được xuất ngũ” nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s

khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp táo bạo, liều lĩnh, giá trị tài sản tương đối lớn nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy, gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Xét luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng pháp luật, về mức án đề nghị là phù hợp.

[6] Xét ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Về các tình tiết giảm nhẹ đề nghị áp dụng cho bị cáo là có căn cứ nên cần chấp nhận. Tuy nhiên đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo là chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận đủ tài sản, nay không yêu cầu bồi thường gì thêm. Tòa miễn xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, anh Đặng Đình T yêu cầu bị cáo Phạm Lê Sỹ G phải bồi thường số tiền cầm cố xe mô tô 9.000.000 đồng. Xét thấy, khi bị cáo Phạm Lê Sỹ G vào cửa hàng cổ chiếc xe mô tô thì anh T có xem giấy tờ và hỏi “*Xe ai mà nhìn ảnh không giống lắm, bị cáo trả lời xe của em, ảnh này là em chụp từ thời học sinh nên tôi đồng ý cho cầm cố*”, sau đó anh T có chụp ảnh bị cáo (người đem xe đến cầm cố). Điều đó, thể hiện anh Thành khi nhìn ảnh của người đến cầm cố xe, anh T đã biết ảnh của người đem xe cầm cố không giống với ảnh trong giấy tờ của chủ sở hữu xe mô tô mà vẫn cho cầm cố.

Tại khoản 3 Điều 29 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định: “*Đối với những tài sản cầm cố theo quy định của pháp luật phải có giấy chứng nhận quyền sở hữu thì chỉ được cầm cố khi các tài sản đó có đầy đủ giấy sở hữu và cơ sở kinh doanh phải giữ lại bản chính của các loại giấy đó trong thời gian cầm cố tài sản*”. Anh Thành khi nhận cầm cố không tìm hiểu rõ về nguồn gốc xe, xe cầm cố không phải là chủ sở hữu nên không có căn cứ để chấp nhận.

[8] Về biện pháp tư pháp: Cần truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 9.000.000 đồng bị cáo thu lợi bất chính.

[9] Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo 01 CMND mang tên Phạm Lê Sỹ G; tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 hợp đồng vay mượn cầm đồ (BL số 42).

Tiếp tục tạm giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A 32 màu đen thu giữ tại bị cáo để đảm bảo thi hành khoản truy thu nộp ngân sách nhà nước.

[10] Về án phí: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Yêu cầu của anh Đặng Đình T không được chấp nhận cần nên buộc anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố: Phạm Lê Sỹ G phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**.

Xử phạt, Phạm Lê Sỹ G **12 (mười hai) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2021.

Về dân sự: Căn cứ Điều 309; khoản 1 Điều 295 Bộ luật dân sự; Điều 29 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, không chấp nhận yêu cầu của anh Đặng Đình T yêu cầu bị cáo Phạm Lê Sỹ G bồi thường số tiền cầm cố xe mô tô là 9.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, truy thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 9.000.000 đồng bị cáo thu lợi bất chính; tiếp tục tạm giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A 32 màu đen thu giữ tại bị cáo, để đảm bảo thi hành khoản truy thu nộp ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo 01 Chứng minh nhân dân mang tên Phạm Lê Sỹ G.
- Tiếp tục Lưu theo hồ sơ vụ án 01 hợp đồng vay mượn cầm đồ (BL số 42).

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng lập hồi 15 giờ 30 phút ngày 12/8/2021 giữa cán bộ Cơ quan điều tra Công an thành phố H và cán bộ Chi cục thi hành án dân sự thành phố H).

Về án phí: Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phạm Lê Sỹ Giao.

Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, buộc anh Đặng Đình T phải chịu 450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

Bị cáo, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- VKSND TP Hà Tĩnh;
- THADS TP Hà Tĩnh;
- Công an TP Hà Tĩnh;
- THAPT;
- Trại Tạm Giam CAHT;
- Người bào chữa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- NCQLNVLQ;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Minh Thư